



guì fù
贵妇

noun · noblewoman; wealthy lady

Example Sentences

Nà wèi guì fù chuān zhe huá lì de qún zi
那位贵妇 穿 着 华 丽 的 裙 子。

That noblewoman wore a gorgeous dress.

Guì fù men cháng zài xià wǔ chá shí liáo tiān
贵妇们 常 在 下 午 茶 时 聊 天。

Wealthy ladies often chat during afternoon tea.

Trace each character, then write the word on your own.

贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵
贵										
妇	妇	妇	妇	妇	妇	妇	妇	妇		